

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/KDTM-PT

Ngày 29 - 11 - 2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Sâm.

Các Thẩm phán: 1. Ông Văn Công Dân.

2. Bà Đinh Thị Tuyết .

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Lai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 12/2023/TLPT-KDTM ngày 02/11/2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2023/KDTM-ST ngày 11/9/2023, của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T3; địa chỉ: C Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Việt T, Chức V: Giám Đốc; địa chỉ: C Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Vũ Thị Thúy Q, sinh năm 2001; địa chỉ: C Y, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. có mặt

- Bị đơn: Công ty TNHH C.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T1; chức vụ: Giám đốc Công ty TNHH C; địa chỉ: Ấp L, xã Y, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đặng Anh T2, sinh năm 1995; địa chỉ: Số I T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Người kháng cáo: Công ty TNHH T3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án ông Trần Việt T và người đại diện theo ủy quyền bà Vũ Thị Thúy Q trình bày:

- Ngày 18/5/2020 Công ty TNHH T3 có ký hợp đồng mua bán, về việc cung cấp hầm đông gió và kho lạnh âm với bên bán là Công ty TNHH C, nội dung của hợp đồng là Công ty TNHH C cung cấp bán cho Công ty TNHH T3 hầm đông gió và kho lạnh âm chi tiết như sau:

+ 01 Máy Mitsubishi 45HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm (bao gồm 01 máy và 01 hầm kín, có tác dụng là máy dùng tạo ra hơi lạnh để đông lạnh sản phẩm nông sản để trong hầm kín), với giá 235.000.000 đồng.

+ 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm (bao gồm 01 máy và 01 hầm kín, có tác dụng là máy dùng tạo ra hơi lạnh để giữ nhiệt độ ổn định, bảo quản sản phẩm của sản phẩm đông lạnh nông sản chuyển từ hầm đông gió sang), với giá 255.000.000 đồng.

Tổng cộng (chưa thuế giá trị gia tăng) 490.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng (10%) 49.000.000 đồng, tổng số tiền thanh toán là 539.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận: Máy do bên Công ty TNHH C cung cấp còn 90% giá trị sử dụng, các vật tư khác mới 100%. Thời gian giao hàng ngày 07/6/2020. Thời gian bảo hành là 18 tháng kể từ ngày lắp đặt xong. Về phương thức thanh toán: Bên Công ty TNHH T3 thanh toán cho Công ty TNHH C 50% bằng 269.500.000 đồng khi vật tư được tập kết tại trụ sở công ty TNHH T3, còn lại 50% thanh toán trong thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm đưa vào nghiệm thu tương đương số tiền 269.500.000 đồng.

Đến ngày 22/6/2020 bên Công ty TNHH C lắp đặt gồm: 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30; kích thước 4W x 4,5L x 3Hm (máy này không đúng như trong hợp đồng phải là máy 01 Máy Mitsubishi 45HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm nhưng khi giao máy lắp đặt lại là máy 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm. Khác nhau ở đây là chỉ số hoạt động HP, hợp đồng là 45HP nhưng khi giao lắp đặt là 40HP) và 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm. Địa điểm lắp đặt tại: Thôn C, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk là kho của Công ty TNHH T3. Hai bên có lập biên bản nghiệm thu số 01.2020/TN-TK.

Sau khi bàn giao xong, ngày 01/8/2020 Công ty TNHH T3 đưa vào sử dụng thì gặp sự cố, máy cấp đông không đạt tiêu chuẩn như thỏa thuận. Chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH C phải khắc phục máy để đạt đúng chuẩn như cam kết và đang trong thời gian bảo hành nhưng Công ty TNHH C không thực hiện. Các bên có thỏa thuận là các máy móc nếu có sự cố khắc phục trong thời gian 24 giờ kể từ khi được thông báo. Tại thời điểm đưa vào sử dụng công ty chúng tôi đang ký hợp đồng với Công ty TNHH T4 để gia công mặt hàng Sầu riêng đông lạnh cấp đông không đúng chuẩn, Công ty TNHH C không thực hiện việc khắc phục dẫn đến công ty chúng tôi bị thiệt hại đến hàng hóa của Công ty TNHH T4. Như vậy Công ty TNHH C đã cung cấp, lắp đặt sản phẩm không đúng tiêu chuẩn theo hợp đồng ký kết.

- Về tiền thanh toán hai bên có thỏa thuận tổng tiền mua bán là 539.000.000đ, Công ty TNHH T3 đã thanh toán là 328.000.000 đồng (trong đó bao gồm 250.000.000 đồng tại thời điểm lắp đặt máy, sau thời điểm lắp đặt máy có thanh toán thêm 78.000.000 đồng). Đối với số tiền còn lại là 211.000.000 đồng do máy móc không đạt yêu cầu nên nguyên đơn không thanh toán cho bị đơn.

Nay Công ty TNHH T3 đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng mua bán giữa hai công ty, buộc Công ty TNHH C có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH T3 số tiền đã thanh toán là 328.000.000 đồng và yêu cầu Công ty TNHH C tháo dỡ, nhận lại máy móc đã lắp đặt là 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm và 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm.

- Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH C, yêu cầu Công ty TNHH T3 phải trả số tiền còn nợ là 211.000.000 đồng thì nguyên đơn không chấp nhận. Bởi vì, đối với số máy móc sau khi bàn giao xong đến ngày 01/8/2020 Công ty TNHH T3 đưa vào sử dụng thì gặp sự cố, máy cấp đông không đạt tiêu chuẩn như thỏa thuận. Chúng tôi nhiều lần yêu cầu Công ty TNHH C phải khắc phục máy để đạt đúng chuẩn như cam kết và đang trong thời gian bảo hành nhưng không thực hiện. Công ty TNHH C đã cung cấp, lắp đặt sản phẩm hàng hóa không đúng tiêu chuẩn theo hợp đồng ký kết. Ngoài ra chúng tôi không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

2. Tại các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đặng A T2 trình bày:

- Ngày 18/5/2020 Công ty TNHH T3 có ký hợp đồng mua bán, về việc cung cấp hầm đông gió và kho lạnh âm với bên bán là Công ty TNHH C, nội dung của hợp đồng là Công ty TNHH C cung cấp bán cho Công ty TNHH T3 hầm đông gió và kho lạnh âm chi tiết như sau:

+ 01 Máy Mitsubishi 45HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm (bao gồm 01 máy và 01 hầm kín, có tác dụng là máy dùng tạo ra hơi lạnh để đông lạnh sản phẩm nông sản để trong hầm kín), với giá 235.000.000 đồng.

+ 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm (bao gồm 01 máy và 01 hầm kín, có tác dụng là máy dùng tạo ra hơi lạnh để giữ nhiệt độ ổn định, bảo quản sản phẩm của sản phẩm đông lạnh nông sản chuyển từ hầm đông gió sang), với giá 255.000.000 đồng.

Tổng cộng (chưa thuế giá trị gia tăng) 490.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng (10%) 49.000.000 đồng, tổng số tiền mua bán là 539.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận: Máy do bên Công ty TNHH C cung cấp còn 90% giá trị sử dụng, (các vật tư khác mới 100%: vỏ ba nem, phòng cách nhiệt, giàn lạnh, giàn nóng, dây điện, cửa, quạt chắn gió...). Thời gian bảo hành là 18 tháng kể từ ngày lắp đặt xong. Thời gian giao hàng ngày 07/6/2020. Thời gian bảo hành là 18 tháng kể từ ngày lắp đặt xong. Về phương thức thanh toán: Bên Công ty TNHH T3 thanh toán cho

Công ty TNHH C 50% bằng 269.500.000 đồng khi vật tư được tập kết tại trụ sở công ty TNHH T3, còn lại 50% thanh toán trong thời hạn 12 tháng tính từ thời điểm đưa vào nghiệm thu tương đương số tiền 269.500.000 đồng.

Sau khi ký hợp đồng hai bên có thỏa thuận lại với nhau nội dung thay đổi là thay 01 Máy Mitsubishi 45HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm bằng 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30; kích thước 4W x 4,5L x 3Hm.

Ngày 02/6/2020 Công ty TNHH C lắp đặt xong 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm và 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm. Địa điểm lắp đặt tại: Thôn C, xã E, TP ., tỉnh Đắk Lắk (là kho của công ty TNHH T3) như thỏa thuận của hai bên và có bàn giao, cụ thể là tại Biên bản nghiệm thu số 01.2020/TN-TK ngày 08/6/2020 và tại điều 2 đã kết luận:

Bên A đã kiểm tra, thẩm định đầy đủ số lượng và chất lượng của 01 hầm đông giá 2 cấp 40HP âm 40°C và 01 kho lạnh âm 20°C, Bên A phải thanh toán hết cho bên B ngay sau khi biên bản nghiệm thu được ký kết. Theo biên bản nghiệm thu thì chất lượng của máy móc là đúng theo Hợp đồng đã ký giữa 02 bên.

Nay Công ty TNHH T3 khởi kiện như trên thì ý kiến của Công ty TNHH C là không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bởi vì, tại biên bản nghiệm thu số 01.2020/TN-TK ngày 08/6/2020 thì máy móc đã đưa vào sử dụng và tại điều 2 đã kết luận: Bên A đã kiểm tra, thẩm định đầy đủ số lượng và chất lượng của 01 hầm đông giá 2 cấp 40HP âm 40°C và 01 kho lạnh âm 20°C, Bên A phải thanh toán hết cho bên B ngay sau khi biên bản nghiệm thu được ký kết. Sau khi lắp đặt máy móc xong thì bị đơn vẫn xuống để kiểm tra hoạt động của máy theo định kỳ theo như hợp đồng thì máy và kho vẫn hoạt động bình thường và có hàng trong kho, có chụp hình, việc nguyên đơn cho rằng máy không hoạt động là không đúng. Như vậy sau khi giao máy lắp đặt xong, nghiệm thu bàn giao cho nguyên đơn thì nhiệm vụ còn lại của Công ty TNHH C đối với Công ty TNHH T3 là bảo hành, bảo trì máy móc hoạt động bình thường, việc nguyên đơn đòi hủy hợp đồng và không thanh toán số tiền nợ còn lại cho bên bị đơn là không đúng theo hợp đồng và bản nghiệm thu là 12 tháng sau kể từ khi nghiệm thu phải thanh toán số tiền còn lại.

- Về tiền thanh toán hai bên có thỏa thuận tổng số tiền mua bán là 539.000.000đ, Công ty TNHH T3 đã trả tổng cộng 328.000.000đ (trong đó bao gồm 250.000.000 đồng tại thời điểm lắp đặt máy, sau thời điểm lắp đặt máy có thanh toán thêm nhiều lần tổng là 78.000.000 đồng). Số tiền còn lại chưa thanh toán là 211.000.000 đồng.

- Ngày 07/01/2022 Công ty TNHH C có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn là yêu cầu buộc Công ty TNHH T3 phải trả số tiền mua hàng còn lại là 264.600.000 đồng. Sau đó Công ty TNHH C kiểm tra lại sổ sách thì có nhầm lẫn về số tiền còn lại là 211.000.000 đồng, vì vậy Công ty TNHH C xin thay đổi lại

số tiền tại đơn yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu Công ty TNHH T3 phải trả số tiền còn nợ là 211.000.000 đồng.

Nguyên vọng của Công ty TNHH C là yêu cầu Công ty TNHH T3 phải trả số tiền còn nợ là 211.000.000 đồng gốc, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2023/KDTM-ST ngày 11/9/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, Điều 50 Luật Thương mại; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3, về yêu cầu buộc Công ty TNHH C có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH T3 số tiền đã thanh toán là 328.000.000 đồng và yêu cầu Công ty TNHH C tháo dỡ, nhận lại máy móc đã lắp đặt là 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm và 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH C phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH T3 số tiền 220.000.000 đồng của nguyên đơn. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH C.

Buộc Công ty TNHH T3 có trách nhiệm phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 211.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH T3 phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, được khấu trừ vào số tiền 1.000.000đ tạm ứng đã nộp tại Tòa án.

4. Về án phí:

- Buộc Công ty TNHH T3 phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 26.950.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 12.960.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty TNHH T3 đã nộp (Ông Trần Viết T nộp) theo biên lai số AA/2019/0013605 ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự

TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty TNHH T3 còn phải tiếp tục nộp số tiền là 13.990.000 đồng án phí.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí 6.600.000 đồng đã nộp (ông Đặng Anh T2 nộp) tại biên lai số AA/2021/0012129 ngày 04/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/9/2023, nguyên đơn Công ty TNHH T3 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH T3 giữ nguyên đơn khởi kiện, nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 427; khoản 3 Điều 439 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 34; điểm b khoản 4 Điều 312; Điều 314 Luật kinh doanh thương mại. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty TNHH T3 nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH T3 Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 18/5/2020 nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng mua bán, về việc cung cấp hầm đông gió và kho lạnh âm có nội dung: Công ty TNHH C cung cấp bán cho Công ty TNHH T3 hầm đông gió và kho lạnh âm gồm 01 Máy Mitsubishi 45HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm với giá 235.000.000 đồng và 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm với giá 255.000.000 đồng. Tổng cộng (chưa thuế giá trị gia tăng) 490.000.000 đồng, thuế giá trị gia tăng (10%) 49.000.000 đồng, tổng giá trị 539.000.000 đồng. Ngày 08/6/2020, hai bên

đã làm Biên bản nghiệm thu số 01.2020/TN-TK. Tại biên bản nghiệm thu kết luận chất lượng của hầm đông gió hai cấp 40Hp. Như vậy, Công ty TNHH C đã lắp đặt máy cho bên nguyên đơn không đúng với thỏa thuận của hợp đồng nên đã vi phạm điều khoản cơ bản của hợp đồng.

[3] Cấp sơ thẩm thừa nhận lời trình bày của bị đơn cho rằng, sau khi ký hợp đồng hai bên có thỏa thuận lại việc lắp đặt máy 45HP bằng máy 40HP, nguyên đơn đã đồng ý nên mới ký vào biên bản nghiệm thu là thiếu căn cứ. Bởi lẽ, theo Điều 7 của hợp đồng mua bán có ghi *“Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản ghi trong hợp đồng, mọi sửa đổi bổ sung phải được hai bên ký kết bằng văn bản dưới hình thức phụ lục của hợp đồng mới có hiệu lực”*. Như vậy, tuy nguyên đơn ký vào biên bản nghiệm thu nhưng không có nghĩa là nguyên đơn đã đồng ý việc thay đổi. Vì trong trường hợp này nguyên đơn và bị đơn nếu có thay đổi thì phải ký kết bằng một phụ lục của hợp đồng. Theo biên bản nghiệm thu (BL 28, 29) thể hiện có nội dung “Bên B bàn giao cho bên A như sau: 01 máy Mitsubishi 45HP” nhưng khi kết luận lại là máy 40 HP. Phía nguyên đơn cho rằng, việc ký biên bản nghiệm thu là ghi nhận Công ty TNHH C đã lắp đặt máy 40HP chứ chưa có việc các bên đã đồng ý thay đổi Máy Mitsubishi 45HP bằng máy 40HP. Trường hợp trong quá trình chạy thử mà máy đạt tiêu chuẩn thì các bên có thể thỏa thuận lại bằng văn bản bằng một phụ lục của hợp đồng. Xét thấy, lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với nội dung của hợp đồng mà các bên đã ký kết. Bị đơn Công ty C không cung cấp được Phụ lục hợp đồng và tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các bên có thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng nên lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ.

[4] Theo Điều 5 của hợp đồng mua bán thể hiện “Bên B chịu trách nhiệm, sửa chữa, bảo hành cho bên A trong thời gian 18 tháng tính từ thời điểm nghiệm thu đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, sau khi lắp đặt xong bên A đưa vào sử dụng thì công suất máy không đáp ứng được (Chủ yếu là do lắp đặt máy không đúng theo hợp đồng) bên nguyên đơn có yêu cầu bên bị đơn khắc phục nhưng không khắc phục được (Thể hiện bằng việc Công ty TNHH T3 phải bồi thường cho Công ty TNHH T4 số tiền 220.000.000đồng). Từ khi phía bị đơn lắp đặt máy Mitsubishi 45HP chạy hầm đông gió hai cấp đến nay, do máy không đạt công suất nên phía nguyên đơn không đưa vào sử dụng được, phía bị đơn cũng không có thiện chí về sửa chữa bảo hành cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ của hợp đồng. Nhưng bản án sơ thẩm lại chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH C. Buộc Công ty TNHH T3 có trách nhiệm phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 211.000.000 đồng là không phù hợp gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

[5] Từ những phân tích trên xét thấy, bị đơn Công ty C giao hàng không đúng chủng loại như thỏa thuận, dẫn đến máy móc xảy ra sự cố, không đạt chuẩn, không thực hiện nghĩa vụ bảo hành như giao kết của hợp đồng. Bị đơn Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ của bên bán, vi phạm khoản 1 Điều 34 Luật Thương mại quy định về giao hàng và chứng từ liên quan đến hàng hóa. Căn cứ khoản 3 Điều 439 Bộ luật dân sự 2015 và điểm b khoản 4 Điều 312 Luật Thương mại, thì bên mua (Công ty T3) có quyền được hủy bỏ hợp đồng do Công ty C vi phạm cơ bản nghĩa vụ hợp đồng. Do hợp đồng bị hủy bỏ nên không có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận theo quy định tại Điều 314 Luật thương mại và Điều 427 Bộ luật dân sự 2015. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH T3, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

[6] Do sửa bản án sơ thẩm nên cần tính toán lại chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm như sau:

[6.1] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH C phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Công ty TNHH T3 đã nộp nên được nhận lại số tiền 1.000.000đ khi thu được từ Công ty TNHH C .

[6.2] Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH T3 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền 12.960.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty TNHH T3 đã nộp (Ông Trần Viết T nộp) theo biên lai số AA/2019/0013605 ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

- Buộc Công ty TNHH C phải chịu 25.560.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 6.600.000 đồng đã nộp (ông Đặng Anh T2 nộp) tại biên lai số AA/2021/0012129 ngày 04/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty TNHH C còn phải tiếp tục nộp số tiền là 18.960.000 đồng án phí.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty TNHH T3 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. H lại cho Công ty TNHH T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Bà Vũ Thị Thúy Q nộp) theo biên lai số 0004510 ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk

[8] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 427; khoản 3 Điều 439 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 34; điểm b khoản 4 Điều 312; Điều 314 Luật kinh doanh thương mại. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 16/2023/KDTM-ST ngày 11/9/2023, của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3 và bác toàn bộ yêu cầu độc lập của Công ty TNHH C.

[2] Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T3, hủy bỏ toàn bộ Hợp đồng mua bán số: 01.2020/TN-TK ngày 18/5/2020 giữa Công ty TNHH T3 và Công ty TNHH C buộc Công ty TNHH C.

- Công ty TNHH C có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH T3 số tiền đã thanh toán là 328.000.000 đồng và buộc Công ty TNHH C tháo dỡ, nhận lại máy móc đã lắp đặt là 01 Máy Mitsubishi 40HP chạy hầm đông gió hai cấp, âm 40°C, PS 150cm, tỉ trọng 30, kích thước 4W x 4,5L x 3Hm và 01 Máy Sanzo 15HP chạy kho lạnh âm 20°C, PS 150cm tỉ trọng 25, kích thước 4W x 12L x 3Hm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH C phải bồi thường thiệt hại cho Công ty TNHH T3 số tiền 220.000.000 đồng của nguyên đơn. Nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

- Bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH C về yêu cầu buộc Công ty TNHH T3 có trách nhiệm phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 211.000.000 đồng.

- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc Công ty TNHH C phải chịu 1.000.000đ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Do Công ty TNHH T3 đã nộp nên được nhận lại số tiền 1.000.000đ khi thu được từ Công ty TNHH C .

- Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Công ty TNHH T3 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được nhận lại số tiền 12.960.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty TNHH T3 đã nộp (Ông Trần Viết T nộp) theo biên lai số AA/2019/0013605 ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Buộc Công ty TNHH C phải chịu 25.560.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 6.600.000 đồng đã nộp

(ông Đặng Anh T2 nộp) tại biên lai số AA/2021/0012129 ngày 04/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Công ty TNHH C còn phải tiếp tục nộp số tiền là 18.960.000 đồng án phí.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Công ty TNHH T3 không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại phúc thẩm. H lại cho Công ty TNHH T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp (Bà Vũ Thị Thúy Q nộp) theo biên lai số 0004510 ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. B, tỉnh Đắk Lắk

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Sâm